

Số: 2016/QĐ-YTCC

Hà Nội, ngày 13 tháng 07 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo Chuyên khoa cấp II Tổ chức quản lý y tế
của Trường Đại học Y tế công cộng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG

Căn cứ Quyết định 6221/QĐ-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành qui chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y tế công cộng;

Căn cứ Quyết định số 1637/QĐ-BYT ngày 25/5/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo Chuyên khoa cấp II Tổ chức quản lý y tế của Trường Đại học Y tế công cộng áp dụng từ năm học 2019 (có chương trình chi tiết kèm theo).

Điều 2. Trường phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học, Phòng Công tác sinh viên; các khoa, bộ môn và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, SDH.



Nguyễn Thanh Hương

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN KHOA II TCQLYT NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-YTCC ngày / / 2019)

PHẦN A: Thông tin về chương trình và đơn vị cấp bằng

1. Tên chương trình: Chương trình đào tạo Chuyên khoa II Tổ chức quản lý y tế
 2. Trường/đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Y tế công cộng
 3. Cơ sở tổ chức giảng dạy: Trường Đại học Y tế công cộng
 4. Tổ chức kiểm định chất lượng chương trình: Chương trình đào tạo được Bộ Y tế thẩm định.
 5. Tên gọi của văn bằng: Chuyên khoa II Tổ chức quản lý y tế
 6. Chuyên ngành: Tổ chức quản lý y tế
7. Tiêu chí tuyển sinh/các yêu cầu đầu vào:
- Yêu cầu về văn bằng:
 - o Có bằng CKI YTCC, bằng Thạc sỹ YTCC, ThS QLBV hiện đang công tác lĩnh vực y tế.
 - o Những người có bằng CKI hoặc ThS (hoặc BSNT) chuyên ngành khác phải có chứng chỉ lớp BT KTYTCC.
 - Yêu cầu về thâm niên công tác: Có thâm niên công tác liên tục trong chuyên ngành dự tuyển tối thiểu 36 tháng kể từ khi tốt nghiệp CKI hoặc BS nội trú hoặc Thạc sỹ.
 - Lý lịch rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Có đủ sức khoẻ để học tập và nghiên cứu.
 - Người nước ngoài muốn học CKII tại Việt Nam, phải có đủ các điều kiện về văn bằng chứng chỉ như trên, được Bộ Y tế chấp thuận và tuân theo các qui định hiện hành.
 - Có đủ sức khoẻ để học tập.
 - Môn thi tuyển:
 - o Tổ chức quản lý y tế
 - o Tiếng Anh
8. Mô tả môn học và kế hoạch học tập:
- 8.1. Cấu trúc chương trình chung**

TT	Môn học	Số tín chỉ
1	Các môn chung	8
2	Môn cơ sở và hỗ trợ	10
3	Môn chuyên ngành	34
3.1	<i>Học phần bắt buộc</i>	23
3.2	<i>Học phần tự chọn</i>	11
4	Bài tập chuyên đề quản lý	6
5	Lý thuyết tổng hợp	7

6	Luận văn	7
	TỔNG	72

8.2. Chương trình chi tiết

TT	Môn học	Mã môn học	TC
I	Các môn chung		
1	Phương pháp sư phạm Y học: cung cấp cho học viên lí luận về phong cách học tập của người trưởng thành; cách thiết kế chương trình đào tạo, phương pháp dạy-học tích cực, cũng như cách đánh giá kết quả học tập phù hợp góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo liên tục cán bộ y tế.	910300102	2
2	Phương pháp nghiên cứu Khoa học ứng dụng trong quản lý: Môn học này học cung cấp cho học viên kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu (định tính, định lượng và kết hợp định tính và định lượng), kĩ năng cần thiết giúp học viên xây dựng được kế hoạch nghiên cứu khả thi.	910300203	4
3	Đạo đức trong Quản lý và nghiên cứu Y sinh học: Môn học được thiết kế nhằm giúp học viên xác định được các vấn đề/chủ đề cần thảo luận – những vấn đề/chủ đề mà những người hoạt động trong lĩnh vực quản lý y tế luôn phải giải quyết và họ cần phải bàn luận sâu về những mâu thuẫn về giá trị và đạo đức phát sinh trong khi áp dụng những kiến thức quản lý vào thực tế để đưa ra các quyết định phù hợp với chuẩn mực đạo đức.	910300302	2
II	Môn cơ sở và hỗ trợ		
4	Trình bày và truy cập thông tin: Môn học gồm 2 câu phần chính: Tìm kiếm thông tin và kỹ năng trình bày thông tin. Kỹ năng trình bày và truy cập thông tin nhằm giúp cho người học có được các kỹ năng cần thiết để có thể chuẩn bị và trình bày hiệu quả các vấn đề sức khỏe, kết quả nghiên cứu không chỉ trong quá trình học tập trong nhà trường mà cả trong quá trình làm việc và công tác sau này	910300403	3
5	Luật pháp và thanh tra y tế: Môn học Pháp luật và Thanh tra y tế sẽ cung cấp cho học viên những khái niệm cơ bản và quan trọng giúp họ có thể tham gia vào quá trình xây dựng, thực thi, thanh tra và giám sát việc thực thi pháp luật y tế ở các cấp một cách hiệu quả.	910300504	4
6	Sức khỏe toàn cầu: cung cấp cho học viên các nội dung liên quan tới xu hướng dịch tễ học và tình trạng sức khỏe con người trong mối liên quan với di biến động dân số, đô thị hóa, biến đổi khí hậu, các bệnh truyền nhiễm mới xuất hiện, và hệ thống y tế, v.v...	910300603	3
III	Môn chuyên ngành		
III.1	<i>Học phần bắt buộc</i>		

7	Lãnh đạo và Quản lý: Môn học này sẽ giới thiệu khái niệm và nguyên lý cơ bản của lãnh đạo và quản lý. Được thiết kế theo hình thức kết hợp giữa lý thuyết và các tình huống lãnh đạo và quản lý thực tế, môn học sẽ cung cấp các kỹ năng lãnh đạo quản lý cơ bản với các cách ứng dụng linh hoạt để học viên có thể vận dụng vào môi trường làm việc trong tương lai.	910300703	3
8	Tổ chức và quản lý hệ thống y tế: Môn học được thiết kế nhằm cung cấp các thông tin tổng quát về quản lý tổ chức và hệ thống y tế như đặc điểm, cấu trúc tổ chức, chức năng và các thành phần cơ bản của hệ thống y tế. Qua đó, học viên có thể phân tích sâu về công tác tổ chức và quản lý hệ thống y tế tại Việt Nam	910300803	3
9	Quản lý chất lượng dịch vụ y tế: Môn học này được thiết kế nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về quản lý chất lượng dịch vụ y tế bao gồm khái niệm về chất lượng và quản lý chất lượng dịch vụ y tế.	910300903	3
10	Hành vi và văn hóa tổ chức: Môn học này cung cấp cho học viên những kiến thức về Hành vi của cá nhân, hành vi của nhóm trong tổ chức, từ đó có thể dự đoán được các hành vi của cá nhân, của nhóm trong tổ chức, từ đó đưa ra các biện pháp tạo động lực lao động và xây dựng được những nhóm làm việc hiệu quả.	910301003	3
11	Các yếu tố xã hội quyết định sức khỏe: Môn học này giúp học viên có kiến thức cơ bản về các yếu tố quyết định sức khỏe nói chung và đặc biệt là các yếu tố xã hội quyết định sức khỏe nói riêng để hỗ trợ cho rất nhiều các môn học khác về Quản lý, Vận động trong thực hành Nâng cao sức khỏe, triển khai các nghiên cứu liên quan đến vấn đề sức khỏe ...	910301103	3
12	Quản lý kinh tế và tài chính y tế: môn học giúp học viên vận dụng khái niệm về sự khan hiếm, sự lựa chọn, và các qui luật kinh tế học trong y tế nhằm giải thích và phân tích hành vi sử dụng và cung cấp dịch vụ y tế huy động và quản lý nguồn tài chính y tế, kỹ năng lập dự toán ngân sách, đánh giá các can thiệp y tế, giúp quản lí và xây dựng chính sách sử dụng nguồn lực hiệu quả hơn; tăng cường khả năng phân tích và xây dựng chính sách trong quản lý y tế và quản lý kinh tế ngành.	910301203	3
13	Quản lý thông tin y tế: Môn học cung cấp các kiến thức về việc áp dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý thông tin y tế, tầm quan trọng của các chuẩn thông tin, đánh giá chất lượng thông tin và tăng cường sử dụng thông tin trong việc ra quyết định.	910301303	3
14	Chính sách y tế: Môn học cung cấp cho học viên những khái niệm và kỹ năng cơ bản, quan trọng có thể tham gia tích cực, hợp lý và hiệu quả vào quá trình xây dựng, thực thi và đánh giá các chính sách/quyết định liên quan đến chăm sóc sức khỏe.	910301402	2
III.2	Môn tự chọn (học viên chọn đủ tối thiểu 11 tín chỉ)		
15	Quản lý Trang thiết bị Y tế và cơ sở hạ tầng: Môn học này cung cấp cho học viên kiến thức về vai trò, tầm quan trọng và	910310102	2

	các hoạt động quản lý trang thiết bị và công trình y tế.		
16	Quản lý nhân lực: Nhân lực y tế đóng vai trò then chốt trong cung cấp dịch vụ tại các cơ sở y tế. Vì thế việc quản lý nhân lực y tế trong các cơ sở y tế, từ việc tuyển chọn, bố trí công việc, đánh giá và đảm bảo môi trường làm việc tốt, phát huy tối đa được hiệu quả công việc của cán bộ là một yêu cầu tối quan trọng trong mọi hoạt động và sự phát triển của cơ sở.	910310202	2
17	Quản lý và đánh giá Dự án (Môn tự chọn bắt buộc): Môn học này nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức và kỹ năng liên quan đến: xây dựng dự án; tổ chức thực hiện và đánh giá dự án.	910310303	3
18	Truyền thông chính sách y tế: giúp người học tham gia vào quá trình này hiệu quả, môn học truyền thông chính sách được thiết kế nhằm cung cấp những kiến thức, kỹ năng, và trải nghiệm cho người học để có thể đưa những bằng chứng khoa học, giá trị cho nhà hoạch định chính sách và các nhà quản lý.	910310402	2
19	Tiếp thị xã hội: Giới thiệu về tiếp thị xã hội; Nghiên cứu ban đầu làm cơ sở thực hiện chương trình tiếp thị; Hỗ trợ tiếp thị xã hội và Lập kế hoạch và triển khai chương trình tiếp thị. Môn học sẽ được tiến hành theo phương pháp dạy học tích cực với hoạt động thuyết trình của giảng viên lồng ghép thích hợp các hoạt động của học viên như: thảo luận chung, thảo luận nhóm dựa vào tình huống, làm bài tập theo nhóm (xuyên suốt quá trình học), trình bày theo nhóm sản phẩm tiếp thị và chương trình xúc tiến tiếp thị xã hội (hoạt động theo nhóm tại lớp và tự nghiên cứu chiếm hơn 50% thời lượng môn học).	910310502	2
20	Phòng chống HIV/AIDS: Môn học giúp học viên trình bày được những nét khái quát về dịch tễ học dịch HIV/AIDS, mô tả được hệ thống tổ chức về phòng chống và kiểm soát HIV/AIDS tại Việt Nam và trình bày được kế hoạch chiến lược và các phương pháp triển khai các hoạt động can thiệp chính trong chương trình phòng chống HIV/AIDS tại Việt Nam.	910310602	2
21	Phòng chống chấn thương: Đây là một môn học tự chọn với mục tiêu cung cấp cho các học viên các kiến thức, kỹ năng rất cần thiết cho các hoạt động phòng chống chấn thương. Môn học này sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản về dịch tễ học chấn thương, các phương pháp nghiên cứu, đánh giá chấn thương cũng như các phương pháp xây dựng chiến lược, kế hoạch phòng chống chấn thương. Môn học được thiết kế dựa trên các kiến thức cập nhật trên thế giới lồng ghép với các số liệu, hoạt động thực tế. Phương pháp giảng dạy chủ động kết hợp lý thuyết, thực hành và các bài tập tình huống thực tế ở Việt Nam.	910310702	2
IV	Bài tập chuyên đề quản lý	910302205	6

V	Tốt nghiệp		
22	Tin học (Môn điều kiện tốt nghiệp)	910302600	0
23	Tiếng Anh:(Môn điều kiện tốt nghiệp)	910302500	0
24	Thi lý thuyết tổng hợp: Bao gồm 2 nội dung: hành vi văn hóa tổ chức; Lãnh đạo và quản lý. Hình thức thi tự luận.	910302301	7
25	Luận văn	910302415	7
	Tổng cộng (tối thiểu 72 tín chỉ)		72

9. Thời gian đào tạo: Áp dụng hình thức đào tạo theo Hệ thống tín chỉ. Thời gian đào tạo tối thiểu là 24 tháng và tối đa là 48 tháng (*phụ thuộc vào kế hoạch học tập của từng cá nhân*) kể từ ngày có quyết định trúng tuyển. Tuy nhiên, nếu sau 24 tháng, học viên chưa hoàn thành khóa học, học viên sẽ phải nộp tiền gia hạn học tập theo tháng cho đến khi hoàn thành khóa học.
10. Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt:
- o Có hệ thống thư viện hiện đại, với nhiều đầu sách
 - o Có hệ thống wifi miễn phí dành cho sinh viên truy cập internet phục vụ tra cứu tài liệu học tập
 - o Có hệ thống ký túc xá dành cho học viên đến từ các tỉnh khác.
 - o Có không gian vui chơi thể thao: sân bóng chuyền, bóng rổ trong khuôn viên nhà trường.

PHẦN B: MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH, CHUẨN ĐẦU RA, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, HỌC TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ.

1. Mục tiêu chương trình

Mục tiêu chung: Đào tạo chuyên gia có trình độ cao về năng lực quản lý, có khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề về quản lý y tế dựa trên các bằng chứng khoa học, thực tiễn, góp phần xây dựng và thực hiện các chính sách nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của ngành y tế trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, hội nhập quốc tế.

Sau khi học xong khóa học này, học viên có khả năng đảm nhiệm vị trí quản lý từ cấp phòng trở lên, cụ thể như sau:

1. Vận dụng được các kỹ năng lãnh đạo, quản lý cơ bản như: lãnh đạo và quản lý sự thay đổi, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng quản lý xung đột, kỹ năng giao tiếp.
2. Phân tích được các nội dung cơ bản về quản lý và điều hành hệ thống y tế dựa trên phân tích được đặc điểm, cấu trúc và chức năng của hệ thống y tế Việt Nam
3. Áp dụng được việc quản lý chất lượng theo mô hình ISO, TQM, JCI và Kiểm định chất lượng (Accreditation)
4. Xây dựng được một kế hoạch cho dự án can thiệp theo một mô hình TQM để giải quyết một vấn đề cụ thể.

5. Phân tích được những tác động của cơ cấu tổ chức và văn hóa tổ chức đến những hành vi mà nhà quản lý quan tâm.
6. Vận dụng được khoa học hành vi và văn hóa tổ chức trong quản lý và phát triển nhân lực của tổ chức.
7. Phân tích được vai trò của các bên liên quan, huy động cộng đồng và vận động chính sách trong giải quyết các vấn đề sức khỏe.
8. Áp dụng được các nguyên lý của một số phương pháp đánh giá kinh tế trong y tế
9. Ứng dụng được các nguyên lý quản lý thông tin sức khỏe để đánh giá chất lượng, tính toàn vẹn và tương thích của số liệu và xác định được các thiếu hụt trong các nguồn số liệu thu thập tại các cấp của hệ thống y tế.
10. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thông tin y tế.

2. Chuẩn đầu ra:

1. Hiểu biết các nguyên lý của khoa học hành vi và văn hóa tổ chức trong xây dựng và phát triển tổ chức.
2. Phân tích các nội dung cơ bản về quản lý và điều hành hệ thống y tế dựa trên phân tích đặc điểm, cấu trúc và chức năng của hệ thống y tế Việt Nam
3. Thể hiện sự tôn trọng và tạo điều kiện cho các bên liên quan tham gia trong quá trình ra quyết định và triển khai thực hiện nhiệm vụ
4. Chủ trì xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược, chính sách, các hoạt động quản lý y tế.
5. Vận dụng các kỹ năng lãnh đạo, quản lý trong làm việc nhóm, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng quản lý xung đột, kỹ năng giao tiếp.
6. Áp dụng việc quản lý chất lượng theo các mô hình quản lý chất lượng.
7. Huy động các bên liên quan, bao gồm cả cộng đồng trong vận động chính sách trong giải quyết các vấn đề sức khỏe.
8. Áp dụng các nguyên lý của một số phương pháp đánh giá kinh tế trong y tế
9. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thông tin y tế.

3. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá: (Teaching, learning and assessment methods):

- Tùy theo từng môn học cụ thể, giảng viên có thể kết hợp các phương pháp giảng dạy/học tập tích cực như thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp giảng dạy dựa trên vấn đề (Scenario – Based learning), bài tập cá nhân, bài tập nhóm để trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và chuyên ngành cũng như kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng mềm (kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng giải quyết vấn đề).

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng nhiều hình thức như:

i) Với các học phần lý thuyết: kiểm tra quá trình, đánh giá chuyên cần, thi hết học phần (với các hình thức câu hỏi trắc nghiệm, câu hỏi ngắn, bài tập nhóm, trình bày kết quả thảo luận, kết quả bài tập cá nhân,..)

ii) Với các phần thực địa và bảo vệ luận văn: trình bày, trả lời câu hỏi với các hội đồng đề cương, giám sát và bảo vệ luận văn,...

PHẦN C: Cấu trúc chương trình

Chương trình đào tạo Chuyên khoa II Tổ chức quản lý y tế bao gồm 72 tín chỉ, chia thành 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1:

Học viên hoàn thành các môn cơ bản, môn cơ sở và môn chuyên ngành. Trong đó có 41 tín chỉ là môn bắt buộc (tương đương 14 môn học) và 11 tín chỉ là các môn tự chọn (tương đương 5 môn học). Học viên lựa chọn các môn tự chọn phù hợp với định hướng học tập cũng như công việc hiện đang công tác và đăng ký với Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học (QLĐTSDH). Phòng QLĐTSDH sẽ dựa vào những lựa chọn này để bố trí, sắp xếp lịch học.

Giai đoạn 2:

- Bài tập chuyên đề quản lý: Xây dựng dự án can thiệp hoặc thiết kế đánh giá chương trình, dự án y tế.
- Luận văn tốt nghiệp: là một đề tài nghiên cứu về vấn đề tổ chức quản lý y tế tại cơ sở y tế hoặc địa phương nơi học viên công tác.

PHẦN D: Quy định về đánh giá

1. Thang điểm đánh giá:

- Thang điểm 10 là thang điểm tiện ích, được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần. Các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thí nghiệm,...) sử dụng thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

2. Đánh giá kết quả học tập môn học:

Việc đánh giá kết quả học tập (số lượng các điểm thành phần, phương thức đánh giá cho từng loại điểm thành phần (đánh giá quá trình, chuyên cần và thi hết học phần,...) được quy định trong đề cương chi tiết môn học. Điểm thành phần là các cột điểm thuộc một trong số các dạng đánh giá sau:

- Đánh giá các học phần lý thuyết:
 - Các điểm đánh giá quá trình: điểm đánh giá kiến thức và kỹ năng của sinh viên khi kết thúc 1 tín chỉ của môn học;
 - Điểm chuyên cần: Mức độ đi học đầy đủ ($\geq 80\%$ thời lượng của môn học), tích cực tham gia của sinh viên trong các nội dung hoạt động trên lớp của môn học;
 - Điểm đánh giá hết học phần: điểm đánh giá kiến thức và kỹ năng của sinh viên khi kết thúc học phần. (Điểm tổng kết học phần là trung bình có trọng số của các điểm thành phần. Học phần được xem là đạt nếu SV có điểm tổng kết 5/10 trở lên).

- Điểm đánh giá bài tập chuyên đề quản lý: trên 5 điểm được coi là đạt
- Điểm đánh giá quá trình làm luận văn: điểm của bảo vệ đề cương nghiên cứu, điểm bảo vệ luận văn (mỗi thành phần trên 5 điểm được coi là đạt).

3. Điều kiện tốt nghiệp:

- Đã học xong và đạt yêu cầu tất cả các học phần trong chương trình đào tạo (Hoàn thành đủ tối thiểu 72 tín chỉ, bao gồm cả luận văn tốt nghiệp)
- Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: trình độ B1 (khung châu Âu)

- Đạt yêu cầu về Tin học (điểm thi trên 5 điểm)
- Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Không bị khiếu nại, tố cáo về nội dung khoa học trong luận văn

Hà Nội, ngày tháng năm 2019



Nguyễn Thanh Hương

T